

BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ CÔNG AN**BỘ QUỐC PHÒNG -
BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 265/2013/TTLT-BQP-BCA

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định việc phối hợp bảo vệ
cường chế thi hành án dân sự trong Quân đội***Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;**Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp bảo vệ cường chế thi hành án dân sự trong Quân đội.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc phối hợp bảo vệ cường chế thi hành án dân sự trong Quân đội (sau đây gọi là phối hợp bảo vệ cường chế) giữa cơ quan thi hành án thuộc Bộ Tổng Tham mưu, các quân khu, Quân chủng Hải quân (sau đây gọi là cơ quan thi hành án cấp quân khu), cơ quan Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cơ quan Công an cấp tỉnh), cơ quan Công an cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cơ quan Công an cấp huyện) nơi tổ chức cường chế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi tổ chức cường chế thi hành án dân sự có huy động lực lượng Công an tham gia bảo vệ cường chế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thi hành án cấp quân khu.
2. Cơ quan Công an cấp tỉnh.
3. Cơ quan Công an cấp huyện.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp bảo vệ cường chế thi hành án dân sự trong Quân đội.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Nhanh chóng, chính xác, kịp thời, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định; không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của mỗi cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của nhân dân, của cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người tham gia cưỡng chế; bảo đảm chính trị, an ninh, trật tự, an toàn xã hội nơi tiến hành cưỡng chế.

Điều 4. Chi phí bảo vệ cưỡng chế

Chi phí bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự trong Quân đội thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành về chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phối hợp xây dựng kế hoạch cưỡng chế

1. Đối với những vụ cưỡng chế cần có lực lượng Công an tham gia bảo vệ, trước khi xây dựng kế hoạch cưỡng chế ít nhất 10 ngày, Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu để trao đổi, cung cấp thông tin và đề nghị bằng văn bản với cơ quan Công an cấp huyện nơi tiến hành cưỡng chế phối hợp xây dựng kế hoạch, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị nghiệp vụ tham gia bảo vệ cưỡng chế. Đối với những vụ án lớn, khó khăn, phức tạp thì đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh phối hợp bảo vệ.

2. Nội dung trao đổi gồm:

- a) Họ tên, địa chỉ người bị cưỡng chế;
- b) Điều kiện, kết quả thi hành án của người bị cưỡng chế;
- c) Thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế;
- d) Thành phần tham gia cưỡng chế;
- đ) Tình hình an ninh, trật tự nơi tổ chức cưỡng chế, thái độ của người bị cưỡng chế và gia đình người bị cưỡng chế;
- e) Dự kiến các tình huống và phương án giải quyết các tình huống;
- g) Yêu cầu cụ thể các nội dung cần phối hợp, dự kiến lực lượng bảo vệ cưỡng chế, phương tiện, công cụ hỗ trợ và các trang thiết bị phục vụ cho việc bảo vệ cưỡng chế.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin trao đổi và đề nghị phối hợp bảo vệ cưỡng chế, cơ quan Công an có trách nhiệm trả lời về nội dung đề nghị phối hợp bảo vệ cưỡng chế với cơ quan thi hành án cấp quân khu.

4. Sau khi thống nhất ý kiến với cơ quan Công an, Chấp hành viên hoàn chỉnh Kế hoạch cưỡng chế (nội dung Kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 72